

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/HS-ST

Ngày 12-09-2024

NHÂN DBH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIBG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ
2. Bà Vũ Thị Nết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn ThBh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 06 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 07 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/HSST-QĐ ngày 30 tháng 08 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/HSST-QĐ ngày 06 tháng 09 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vi Văn T, sinh năm 1967 tại xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg. Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn L và bà Hoàng Thị P (đã chết); có vợ, 03 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Trọng N- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc GiBg (có mặt).

2. Dương Thị Nh, sinh năm 1967 tại xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg. Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị L; có

chồng, 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Thân Thị K- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc GiBg (có mặt).

Bị hại:

1. Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1961

2. Bà Ngô Thị A, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg; đều có mặt.

3. Bh Dương Văn T1, sinh năm 1996

Ủy quyền cho ông Dương Văn L1 (bố đẻ), sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg; có mặt.

4. Bh Hoàng Văn B, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg; có mặt.

5. Bh Lăng Văn M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Z, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg; có mặt.

Người có quyền lợi, N vụ liên quB:

1. Ông Ngô Văn X, sinh năm 1954

2. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1972

3. Bh Trần Văn H1, sinh năm 1988

4. Bà Lý Thị N1, sinh năm 1975

5. Ông Dương Văn E, sinh năm 1965

6. Ông Nông Văn Th, sinh năm 1969

7. Ông Hoàng Văn Y1, sinh năm 1960

8. Bh Mông Văn X1, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong thời giB từ năm 2008 đến năm 2022, BB quản lý (sau đây viết tắt là BQL) thôn cùng Trưởng các bB, ngành, đoàn thể thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam đã tổ chức nhiều đợt bán, giao thầu, chuyển đổi đất trái quy định của pháp luật, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực đất đai, cụ thể:

Nhiệm kỳ 2008 - 2010

Trong nhiệm kỳ 2008 - 2010, BQL thôn Tr, xã Đ gồm: Ông Ngô Văn X, sinh năm 1954 là Bí thư Chi bộ; Vi Văn T là Trưởng thôn; ông Vi Văn Phình, sinh năm 1948 (đã chết năm 2012) là Trưởng bB mặt trận khu dân cư; ông Hoàng Văn Thủ, sinh năm 1960 là Phó thôn. Nhiệm kỳ này thôn Tr không có Phó Bí thư Chi bộ.

Thời điểm đó, tại thôn Tr có khu đất Sân Kho diện tích 1.176,5m² thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 17 của UBND xã Đ là diện tích đất công cộng sử dụng vào mục đích chung của thôn Tr. Đến năm 2004 do không có nhà ở Bh Nông Văn Vượng, sinh năm 1975 trú tại thôn Tr đã tự ý lấn chiếm, xây dựng công trình nhà ở tại khu đất Sân Kho. Chính quyền thôn Tr đã nhiều lần vận động Bh Vượng hoàn trả lại hiện trạng nhưng Bh Vượng không đồng ý. Ngày 03/02/2009, Chi bộ thôn Tr họp, bB hành Nghị quyết “chuyển nhượng Sân Kho thành đất ở lấn chiếm”. Ngày 05/03/2009, BQL thôn Tr họp bàn thống nhất bán diện tích đất Sân Kho cho Bh Nông Văn Vượng với số tiền là 4.000.000 đồng nhưng thực tế thu được 3.800.000 đồng, còn 200.000 đồng Bh Vượng xin và được BQL thôn đồng ý. Việc bán đất ở này được lập thành biên bản, báo cáo UBND xã Đ trực tiếp ông Nguyễn Ngọc Lục- nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Đ ký xác nhận. Số tiền sau khi BQL thôn Tr bán thửa đất Sân Kho cho Bh Vượng được nhập vào quỹ thôn Tr và sử dụng chi vào các công việc chung của thôn. Hiện nay trên thửa đất Sân Kho, Bh Vượng đã xây nhà kiên cố, sinh sống ổn định, không có tranh chấp với ai.

Nhiệm kỳ 2010 - 2013

BQL thôn Tr gồm: Ông Ngô Văn X, sinh năm 1954 là Bí thư Chi bộ; Vi Văn T là Trưởng thôn; ông Vi Văn Phình, sinh năm 1948 (đã chết năm 2012) là Trưởng bB mặt trận khu dân cư; ông Hoàng Văn Thủ, sinh năm 1960 là Phó thôn. Nhiệm kỳ này thôn không có Phó Bí thư Chi bộ và kế toán.

Thời điểm trên khu đập Cốc Châu có diện tích 8.191,9m² thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 52 của UBND xã Đ. Mục đích sử dụng đất là “TSN” (nuôi trồng Q sản), diện tích đất trên là đất công ích do UBND xã Đ quản lý nhưng thực tế là do thôn Tr, xã Đ trực tiếp quản lý. Ngày 10/8/2012, Chi bộ, BQL thôn Tr tổ chức Hội nghị Quân dân chính đảng gồm BQL thôn Tr và Trưởng các ngành, đoàn thể trong thôn cùng thống nhất giao thầu đập Cốc Châu cho ông Hoàng Văn Ngà, sinh năm 1981, trú tại thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam với thời hạn 15 năm kể từ năm 2014 với số tiền 2.000.000 đồng/năm, tổng giá trị là 30.000.000 đồng, mục đích để ông Ngà tự bỏ tiền đắp, gia cố bờ đập và nuôi trồng Q sản. Ngày 16/8/2012, BQL thôn Tr và ông Hoàng Văn Ngà tiến hành lập biên bản giao thầu đất. Số tiền giao thầu đập ông Ngà đã giao cho Vi Văn T để nhập vào quỹ thôn và sử dụng chi vào các công việc chung của thôn. Hiện nay, hiện trạng đập Cốc Châu đBg được ông Ngà sử dụng nuôi cá và BQL thôn điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Nhiệm kỳ 2013 - 2015

BQL thôn Tr gồm: Vi Văn T là Bí thư Chi bộ; ông Hoàng Văn Thủ, sinh năm 1960 là Trưởng thôn; ông Ngô Văn X, sinh năm 1954 là Trưởng bB mặt trận khu dân cư; ông Hứa Văn Vững, sinh năm 1984 là Phó thôn (đã chết năm 2021). Nhiệm

kỳ này thôn Tr không có Phó Bí thư Chi bộ. Năm 2014, BQL thôn Tr cần kinh phí để duy trì hoạt động và tu sửa các công trình của thôn. Trong các ngày 03/5/2014 và 04/11/2014, Chi bộ thôn Tr họp với sự chủ trì của ông Vi Văn T đã ra Nghị quyết chỉ M BQL thôn Tr tổ chức giao thầu các thửa đất: Đập Đèo Cứu; đập Suối Nứa; đập Thu Cừ (đều là đất công ích do UBND xã Đ quản lý nhưng thực tế là do thôn Tr, xã Đ trực tiếp quản lý), cụ thể:

Ngày 14/11/2014 giao đập Đèo Cứu với diện tích 13.474,8m² thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 12 của UBND xã Đ, huyện Lục Nam cho ông Vi Văn Triển, sinh năm 1977 trú tại thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam thời hạn 10 năm (từ năm 2014 đến năm 2024) với số tiền 12.000.000 đồng, mục đích để nuôi trồng Q sản. Ngày 27/12/2014 giao thầu đập Thu Cừ có diện tích 2.831,9m² thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 51 của UBND xã Đ cho ông Vi Văn Hối, sinh năm 1986 trú tại thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam thời hạn 10 năm (từ năm 2014 đến năm 2024) với số tiền 10.000.000 đồng, mục đích để nuôi trồng Q sản. Ngày 07/12/2014 giao đập Suối Nứa có diện tích 29.144,9m² thuộc thửa đất số 157, tờ bản đồ số 11 của UBND xã Đ cho hộ ông Ngô Văn Thiết, sinh năm 1981 trú tại thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam thời hạn 10 năm (từ năm 2014 đến năm 2024) với số tiền 20.000.000 đồng, mục đích để nuôi trồng Q sản. Tổng số tiền thu được là 42.000.000 đồng đã được nhập vào quỹ thôn để sử dụng chi vào các công việc của thôn. Hiện nay, hiện trạng các đập Đèo Cứu; đập Suối Nứa; đập Thu Cừ được các hộ nhận thầu sử dụng nuôi Q sản và đBg được BQL thôn điều tiết mực nước phục vụ sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Nhiệm kỳ 2020 - 2023

BQL thôn Tr gồm: Vi Văn T là Bí thư Chi bộ; Dương Thị Nh là Trưởng thôn; ông Ngô Văn X, sinh năm 1954 là Trưởng bB mặt trận khu dân cư; ông Hoàng Văn H, sinh năm 1972 là Phó thôn; ông Trần Văn H1, sinh năm 1988 là Phó bí thư chi bộ; bà Lý Thị N1 là Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ; ông Dương Văn E và ông Nông Văn Th là Chi hội trưởng Cựu C binh; ông Hoàng Văn Y1 là Chi hội trưởng Hội nông dân; ông Mông Văn X1 là Bí thư Chi đoàn Tr (thôn chưa có kế toán, thủ quỹ).

Thời điểm này, vì muốn đẩy nhBh tiến độ hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong đó có công trình xây dựng N trBg nhân dân nên Vi Văn T đã tổ chức họp Chi bộ ra Nghị quyết giao cho BQL thôn thực hiện thBh lý các hợp đồng giao thầu đất công ích đã hết thời hạn thầu và tổ chức giao bán, giao thầu lại các thửa đất công ích để lấy tiền. Thực hiện Nghị quyết của Chi bộ từ ngày 11/7/2020 đến ngày 01/8/2021, BQL thôn Tr do bà Dương Thị Nh làm Trưởng thôn đã tổ chức nhiều buổi họp Quân dân chính đảng và họp toàn dân thống nhất tổ chức cho thầu các thửa đất Rừng Lim với giá là 15.000.000 đồng/sào, thời hạn giao thầu lâu dài; khu đất Lò Ngói với giá 15.000.000

đồng/sào, thời hạn giao thầu là 30 năm; khu đất Nà Chiêm cho thầu với giá 13.000.000 đồng/sào, thời hạn giao thầu là 30 năm; đổi khu ruộng Mỏ SBg Trên thuộc đất công ích diện tích 3.376,8m² lấy khu đồi Bà Lợi diện tích 5.515,6m² của hộ ông Hoàng Văn Long, sinh năm 1988 trú tại thôn Tr để thôn Tr làm N trBg nhân dân.

Ngày 04/8/2021, BQL thôn Tr lập biên bản chuyển nhượng thửa đất khu Lò Ngói với diện tích 699m² cho hộ ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1961 thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam với số tiền 47.000.000 đồng, thời giB giao lâu dài. Ngày 08/7/2021, BQL thôn cùng Trưởng các bB ngành thôn Tr lập biên bản chuyển nhượng lâu dài diện tích 1.200m² đất Rừng Lim, với giá tiền là 33.000.000 đồng cho ông Hoàng Văn B, sinh năm 1982 trú tại thôn D, xã S, huyện Lục Nam; chuyển nhượng lâu dài diện tích 2.232m² đất khu Rừng Lim cho ông Lăng Văn M, sinh năm 1979 trú tại thôn Z, xã S, huyện Lục Nam với giá tiền 62.000.000 đồng. Ngày 15/10/2021, BQL thôn Tr chuyển nhượng lâu dài diện tích đất khu Rừng Lim với diện tích 1.223,3m² cho bà Ngô Thị A, sinh năm 1975 trú tại thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam với giá tiền là 10.000.000 đồng. Ngày 16/4/2022, BQL thôn cùng Trưởng các bB ngành thôn lập biên bản giao thầu khu đất Nà Chiêm diện tích 2.495,9m² cho hộ Bh Dương Văn T1, sinh năm 1996 trú tại thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam với với số tiền 95.000.000 đồng thời giB giao thầu 30 năm. Ngày 08/8/2021, BQL thôn Tr cùng các bB ngành của thôn đã lập văn bản đổi khu ruộng Mỏ SBg Trên, diện tích 3.376,8m² thuộc đất công ích lấy khu đồi Bà Lợi diện tích 5.515,6m² của hộ ông Hoàng Văn Long, sinh năm 1988 trú tại thôn Tr để làm N trBg cho thôn. Trong đó thôn Tr pH trả thêm cho hộ ông Long số tiền là 167.000.000 đồng. Việc chuyển đổi đất này có xác nhận của UBND xã Đ do ông Đào Văn Quảng, nguyên Chủ tịch UBND xã Đ xác nhận.

Số tiền sau khi BQL thôn Tr nhận của các hộ trên được nhập vào quỹ thôn và sử dụng chi cho các việc chung của thôn Tr. Trong đó có 152.000.000 đồng thu của ông M, ông B, bà A, ông Q được trả cho ông Long khi đổi đất làm N trBg nhân dân; số tiền 95.000.000 đồng khi thực hiện giao thầu cho hộ Dương Văn T1 thì được nhập vào quỹ thôn, sử dụng chung vào các việc của thôn Tr hết 60.000.000 đồng, còn lại 35.000.000 đồng đã được Vi Văn T giao nộp cho Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam để phục vụ công tác điều tra. Ngày 28/9/2023, Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam khám xét nơi ở của Vi Văn T và Dương Thị Nh không thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quB đến vụ án.

Quá trình điều tra, Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam thu giữ: 01 Biên bản giao thầu ngày 14/11/2014; 01 Biên bản giao thầu ngày 27/12/2014; 01 Biên bản giao thầu ngày 07/12/2014; 01 Biên bản giao thầu ngày 16/8/2012; 04 Giấy chuyển nhượng sử dụng đất ngày 08/7/2021; 01 Giấy chuyển nhượng sử dụng đất ngày 15/10/2021; 01 Hợp đồng giao thầu ngày 16/4/2022; 01 Giấy chuyển

nhượng sử dụng đất ngày 04/8/2021; 01 Biên bản chuyển nhượng đất ở ngày 05/3/2009; 01 đơn kiến nghị mua đất ở ngày 25/02/2009; 02 Biên bản đổi đất nông nghiệp ngày 08/8/2021; 01 sổ ghi nghị quyết họp thôn Tr từ ngày 10/10/2018 đến ngày 29/5/2022; 01 sổ thu các khoản quỹ thôn Tr, xã Đ từ năm 2019 đến năm 2022; 01 Sổ chi của thôn Tr từ ngày 15/01/2020 đến ngày 12/6/2022; 01 sổ ghi các khoản thu của thôn Tr, xã Đ từ năm 2008 đến năm 2013; 01 Sổ chi của thôn Tr từ ngày 08/8/2008 đến ngày 23/4/2013; 01 Sổ ghi dự thảo nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ năm 2017 đến 2020; 01 Sổ ghi dự thảo nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ năm 2020 đến 2023; 01 Sổ ghi dự thảo nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ năm 2022; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 3/2008 đến ngày 06/5/2012; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 6/2012 đến ngày 03/12/2014; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2017; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 4/2020 đến tháng 12/2021; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2023.

Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam bB hành yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị đất Sân Kho ở tại thời điểm năm 2009; giá trị thiệt hại trong việc cho thuê đập Cốc Châu tại thời điểm năm 2012; giá trị thiệt hại trong việc cho thuê các vị trí đập Đèo Cứu; đập Suối Nứa; đập Thu Cừu tại thời điểm năm 2014; Xác định giá trị thiệt hại trong việc cho thuê khu đất Nà Chiêm tại thời điểm năm 2022; khu Rừng Lim; khu đất Lò Ngói tại thời điểm năm 2021; Xác định giá trị thửa đất số 416, tờ bản đồ số 52 của UBND xã Đ tại thời điểm năm 2021; Xác định giá trị thửa đất công ích có diện tích 3.376,8m², tờ bản đồ số 52 của UBND xã Đ tại thời điểm năm 2021. Tại Kết luận định giá tài sản ngày 11/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg, kết luận:

- Thửa đất Sân Kho thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam (Đất ở nông thôn) có giá: 258.830.000 đồng. Thửa đất khu Đập Cốc Châu, giá cho thuê là 3.317.719 đồng/năm. Thửa đất khu đập Đèo Cứu, giá cho thuê là 5.457.294 đồng/năm. Thửa đất khu đập Suối Nứa có giá cho thuê là 11.803.684 đồng/năm. Thửa đất khu đập Thu Cừu có giá cho thuê là 1.146.919 đồng/năm. Thửa đất khu Nà Chiêm (đất trồng Lúa và cây hàng năm), có giá cho thuê là 1.871.925 đồng/năm.

- Thửa đất khu Rừng Lim (đất trồng lúa và cây hàng năm), giao lâu dài có giá là 232.765.000 đồng; Thửa đất khu đất Lò Ngói (đất trồng lúa và cây hàng năm) giao lâu dài có giá là 34.950.000 đồng. Thửa đất số 416, tờ bản đồ số 52 (đất trồng cây ăn quả lâu năm), giao lâu dài có giá trị là 231.655.200 đồng; Thửa đất tờ bản đồ số 52 (đất trồng cây ăn quả hàng năm), giao lâu dài có giá là: 168.840.000 đồng.

Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam bB hành yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị thuê đất công ích đập Cốc Châu từ năm 2009 đến hết năm 2014,

tính theo giá thuê đất năm 2009, từ năm 2015 đến hết năm 2019, tính theo giá thuê đất năm 2015; từ năm 2020 đến hết năm 2022, tính theo giá thuê năm 2020; Xác định giá trị thuê đất công ích đập Đèo Cừ từ năm 2014 đến hết năm 2019, tính theo giá thuê đất năm 2014, từ năm 2020 đến hết năm 2022, tính theo giá thuê năm 2020. Xác định giá trị thuê đất công ích đập Suối Nứa từ năm 2014 đến hết năm 2019, tính theo giá thuê đất năm 2014, từ năm 2020 đến hết năm 2022, tính theo giá thuê năm 2020. Xác định giá trị thuê đất công ích đập Thu Cừ từ năm 2014 đến hết năm 2019, tính theo giá thuê đất năm 2014. từ năm 2020 đến hết năm 2022, tính theo giá thuê năm 2020. Xác định giá trị thuê đất công ích khu đất Nà Chiêm từ năm 2022 đến hết năm 2022, tính theo giá thuê đất năm 2022. Xác định giá trị thuê đất công ích khu Rừng Lim từ năm 2021 đến hết năm 2022, tính theo giá thuê đất năm 2021. Xác định giá trị thuê đất công ích khu đất Lò Ngói từ năm 2021 đến hết năm 2022, tính theo giá thuê đất năm 2021. Tại Kết luận định giá tài sản ngày 23/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg kết luận: Thửa đất đập Cốc Châu, tổng số tiền thuê từ năm 2009 đến hết năm 2022 (tính theo chu kỳ 05 năm một lần), tính 03 chu kỳ là 37.969.455 đồng. Thửa đất khu đập Đèo Cừ, tổng số tiền thuê từ năm 2014 đến hết năm 2022 (tính theo chu kỳ 05 năm một lần) tính 02 chu kỳ là 47.296.548 đồng. Thửa đất khu đập Suối Nứa, tổng số tiền thuê từ năm 2014 đến hết năm 2022 (tính theo chu kỳ 05 năm một lần) tính 02 chu kỳ là 102.298.597 đồng. Thửa đất khu đập Thu Cừ, tổng số tiền thuê từ năm 2014 đến hết năm 2022 (tính theo chu kỳ 05 năm một lần), tính 02 chu kỳ là 9.939.965 đồng. Thửa đất khu Nà Chiêm (đất trồng Lúa và cây hàng năm) giá tiền thuê từ năm 2022 đến hết năm 2022, tính theo giá năm 2022, thành tiền là 1.871.925 đồng. Thửa đất Khu Rừng Lim (đất trồng Lúa và cây hàng năm), giá tiền thuê từ năm 2021 đến hết năm 2022, tính theo giá năm 2021, thành tiền là 3.491.475 đồng. Thửa đất khu đất Lò Ngói (đất trồng Lúa và cây hàng năm), giá tiền thuê từ năm 2021 đến hết năm 2022, tính theo giá năm 2021, thành tiền là 524.250 đồng.

Cơ quB CSĐT Công B huyện Lục Nam đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, chữ số trên các tài liệu thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 1267/KL-KTHS ngày 12/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công B tỉnh Bắc GiBg kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4 - trừ chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội dung “Thủ - Hoàng Văn Thủ”, “Triển - Vi Văn Triển”, “Hỏi - Vi Văn Hỏi” và chữ ký, chữ viết mBg tên Ngô Văn X, Hứa Văn Vững, Ngô Văn Thiết, Hoàng Văn Ngà, Dương Văn E, dưới các mục “Trưởng thôn”, “Đại diện bên B”, “Đại diện mặt trận”, “Đại diện phó thôn”, “Phó thôn”, “Bên B”, “Đại diện cấp ủy”, “Đại diện đoàn thể”; chữ ký, chữ viết mBg tên Vi Văn T dưới mục “Đại diện bên A” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A5 đến

A11) so với chữ ký, chữ viết của Vi Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1,M2,M3) **là do cùng một người ký, viết ra.**

2. Phòng kỹ thuật hình sự không kết luận đối với chữ viết có nội dung “Hai” tại mục “Bàng chữ” ở mặt sau các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5, A6) do bị sửa chữa. Chữ ký, chữ viết mBg tên Dương Thị Nh dưới mục “Bên A” và chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A5 đến A11 - trừ chữ ký, chữ viết dưới các mục “Đại diện bên A”, “Đại diện bên B” và chữ viết bị sửa chữa) so với mẫu chữ ký, chữ viết của Dương Thị Nh trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M4,M5,M6) **là do cùng một người ký, viết ra.**

3. Chữ ký, chữ viết mBg tên Ngô Văn X dưới các mục “Đại diện mặt trận”, “Đại diện cấp ủy”, “Đại diện bên A”, trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, từ A4 đến A9) so với chữ ký, chữ viết của Ngô Văn X trên tài liệu mẫu (ký hiệu M7) **là do cùng một người ký, viết ra.**

4. Chữ ký, chữ viết mBg tên Hoàng Y1, Hoàng Văn Y1 dưới mục “Đại diện bên A” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5 đến A11) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn Y1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M8,M15,M16) **là do cùng một người ký, viết ra.**

5. Chữ ký, chữ viết mBg tên Dương Văn E dưới mục “Đại diện đoàn thể” , “Đại diện bên A”, trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A4 đến A9, A11) so với chữ ký, chữ viết của Dương Văn E trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M9,M17,M18) **là do cùng một người ký, viết ra.**

6. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết nội dung “N1 - Lý Thị N1” dưới mục “Đại diện bên A” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5 đến A9) so với chữ ký, chữ viết của Lý Thị N1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M10,M17,M18) **là do cùng một người ký, viết ra.**

Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận chữ ký, chữ viết mBg tên Lý Thị N1 dưới mục “Đại diện bên A” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A10) so với chữ ký, chữ viết của Lý Thị N1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M10, M19, M20) do xuất hiện có các đặc điểm giống nhau và đặc điểm khác nhau không giải thích được.

7. Chữ ký, chữ viết mBg tên Hoàng V H, Hoàng Văn H dưới mục “Đại diện bên A”, trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5 đến A8, A10, A11) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M11,M21) **là do cùng một người ký, viết ra.**

Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận chữ ký, chữ viết mBg tên Hoàng V H dưới mục “Đại diện bên A” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A10) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M11, M21) do khác dạng nhau.

8. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội dung “Thủ- Hoàng Văn Thủ”, dưới các mục “Trưởng thôn”, “Phó thôn” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn Thủ trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M12) **là do cùng một người ký, viết ra.**

9. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội dung “Th- Nông Văn Th” dưới mục “Đại diện bên A”, trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A10) so với chữ ký, chữ viết của Nông Văn Th trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M13) **là do cùng một người ký, viết ra.**

10. Chữ ký, chữ viết mBg tên Mông Văn X1 dưới mục “Đại diện bên A”, trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A5 đến A9) so với chữ ký, chữ viết của Mông Văn X1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M14) **là do cùng một người ký, viết ra.**

Ngày 15/8/2023, Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung giám định chữ ký, chữ viết, dấu tròn trên các tài liệu cần giám định. Tại Bản kết luận giám định bổ sung số 1583/KL-KTHS ngày 25/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công B tỉnh Bắc GiBg, kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết mBg tên Ngô Văn X dưới các mục “Đại diện cấp ủy”, trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A12) so với chữ ký, chữ viết của Ngô Văn X trên tài liệu mẫu (ký hiệu M7) **là do cùng một người ký, viết ra.**

2. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội dung “Thủ- Hoàng Văn Thủ”, dưới các mục “Phó thôn” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A12) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn Thủ trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M12) **là do cùng một người ký, viết ra.**

3. Chữ viết có nội dung “Xác nhận UBND xã Đ” và chữ ký mBg tên Nguyễn Ngọc Lục dưới mục “Xác nhận UBND xã Đ” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A12) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Ngọc Lục trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M22 đến M26) **là do cùng một người ký, viết ra.**

4. Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A12 - trừ chữ ký, chữ viết dưới các mục “Công B viên”, “Chủ hộ”, “Người làm chứng” và các chữ ký, chữ viết đã kết luận ở trên so với chữ ký, chữ viết của Vi Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) **là do cùng một người ký, viết ra.**

5. Hình dấu tròn có nội dung “UBND xã Đ H Lục Nam T Bắc GiBg” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A12) so với hình dấu tròn có cùng nội dung của UBND xã Đ trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M23 đến M26) **là do cùng một con dấu đóng ra.**

Ngày 26/3/2024, Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung giám định chữ ký, chữ viết, dấu tròn trên các tài liệu cần giám định. Tại Bản kết luận giám định bổ sung số 726/KL-KTHS ngày 02/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công B tỉnh Bắc GiBg, kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết mBg tên Dương Thị Nh dưới các mục “Đại diện thôn”, trên tài liệu cần giám định (02 Biên bản đổi đất nông nghiệp cùng đề ngày 08/8/2021) so với chữ ký, chữ viết của Dương Thị Nh trên tài liệu mẫu **là do cùng một người ký, viết ra.**

2. Chữ ký, chữ viết mBg tên Ngô Văn X dưới các mục “Đại diện thôn”, trên tài liệu cần giám định (02 Biên bản đổi đất nông nghiệp cùng đề ngày 08/8/2021) so với chữ ký, chữ viết của Ngô Văn X trên tài liệu mẫu **là do cùng một người ký, viết ra.**

3. Chữ ký, chữ viết mBg tên Hoàng Văn H dưới các mục “Đại diện thôn”, trên tài liệu cần giám định (02 Biên bản đổi đất nông nghiệp cùng đề ngày 08/8/2021) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn H trên tài liệu mẫu **là do cùng một người ký, viết ra.**

4. Chữ ký, chữ viết mBg tên Vi Văn T dưới các mục “Đại diện thôn”, trên tài liệu cần giám định (02 Biên bản đổi đất nông nghiệp cùng đề ngày 08/8/2021) so với chữ ký, chữ viết của Vi Văn T trên tài liệu mẫu **là do cùng một người ký, viết ra.**

5. Chữ ký, chữ viết mBg tên Đào Văn Quảng dưới các mục “Xác nhận của UBND”, trên tài liệu cần giám định (02 Biên bản đổi đất nông nghiệp cùng đề ngày 08/8/2021) so với chữ ký, chữ viết của Đào Văn Quảng trên tài liệu mẫu **là do cùng một người ký, viết ra.**

6. Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D xã Đ H. Lục Nam T. Bắc GiBg” trên tài liệu cần giám định (02 Biên bản đổi đất nông nghiệp cùng ngày 08/8/2021) so với hình dấu tròn có cùng nội dung của UBND xã Đ trên các tài liệu mẫu **là do cùng một con dấu đóng ra.**

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lăng Văn M đề nghị trả lại số tiền 62.000.000 đồng; ông Hoàng Văn B đề nghị trả lại số tiền 32.000.000 đồng; bà Ngô Thị A đề nghị trả lại số tiền 10.000.000 đồng; ông Dương Văn T1 đề nghị trả lại số tiền 95.000.000 đồng; ông Đỗ Văn Q đề nghị trả lại số tiền 47.000.000 đồng.

Về vật chứng: 01 Biên bản giao thầu ngày 14/11/2014; 01 Biên bản giao thầu ngày 27/12/2014; 01 Biên bản giao thầu ngày 07/12/2014; 01 Biên bản giao thầu ngày 16/8/2012; 04 Giấy chuyển nhượng sử dụng đất ngày 08/7/2021; 01 Giấy chuyển nhượng sử dụng đất ngày 15/10/2021; 01 Hợp đồng giao thầu ngày 16/4/2022; 01 Giấy chuyển nhượng sử dụng đất ngày 04/8/2021; 01 Biên bản chuyển nhượng đất ở ngày 05/3/2009; 01 đơn kiến nghị mua đất ở ngày 25/02/2009; 02 Biên bản đổi đất nông nghiệp ngày 08/8/2021; 01 sổ ghi nghị quyết họp thôn Tr từ ngày 10/10/2018 đến ngày 29/5/2022; 01 sổ thu các khoản quỹ thôn Tr, xã Đ từ năm 2019 đến năm 2022; 01 Sổ chi của thôn Tr từ ngày 15/01/2020 đến ngày 12/6/2022; 01 sổ ghi các khoản thu của thôn Tr, xã Đ từ năm 2008 đến năm

2013; 01 Sổ chi của thôn Tr từ ngày 08/8/2008 đến ngày 23/4/2013; 01 Sổ ghi dự thảo nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ năm 2017 đến 2020; 01 Sổ ghi dự thảo nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ năm 2020 đến 2023; 01 Sổ ghi dự thảo nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ năm 2022; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 3/2008 đến ngày 06/5/2012; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 6/2012 đến ngày 03/12/2014; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2017; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 4/2020 đến tháng 12/2021; 01 Sổ ghi Nghị quyết chi bộ thôn Tr, xã Đ từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2023 thu giữ trong quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án. Còn số tiền 35.000.000 đồng do Vi Văn T giao nộp Cơ quB điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Bản cáo trạng số: 76/CT-VKS ngày 26/06/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg truy tố bị cáo Vi Văn T, Dương Thị Nh theo b, c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg giữ nguyên quB điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo bị cáo Vi Văn T, Dương Thị Nh phạm “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ”. Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 357; điều 17, Điều 58, Điều 54; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn T, Dương Thị Nh, mỗi bị cáo với mức án 03 năm tù cho hưởng án treo. Thời giB thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy bB nhân dân xã Đ giám sát, giáo dục trong thời giB thử thách. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong chính quyền, các đoàn thể của thôn từ 01 năm đến 02 năm.

Về vật chứng: Trả lại bị cáo Vi Văn T, Dương Thị Nh số tiền 35.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

*Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Vi Văn T: Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn đẩy nhBh việc hoàn thành các chỉ tiêu về đích nông thôn mới, số tiền thu được đều phục vụ cho địa phương. Bị cáo vì mục đích chung, dám đổi mới, không vì mục đích vụ lợi. Bị cáo sống ở vùng kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp. Bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó hoàn toàn nhất trí với quB điểm của Viện kiểm sát về tội dBh, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt đối với bị cáo.

*Ý kiến người bào chữa cho bị cáo Dương Thị Nh: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát đánh giá về nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân của bị cáo. Bị cáo Nh tại phiên tòa khai bị cáo có được Trung ương tặng Bằng khen nhưng do quá trình lưu trữ bị mất mát, nên không thể cung cấp cho Tòa án; bị cáo được

tặng nhiều kỷ niệm chương, giấy khen. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là điểm v Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trBh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quB điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, N vụ liên quB không có khiếu nại gì. Tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, N vụ liên quB cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quB tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quB tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quB điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Vi Văn T, Dương Thị Nh đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu ở trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận: Vi Văn T, sinh năm 1967 và Dương Thị Nh, sinh năm 1967 cùng trú tại thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg được bầu giữ chức vụ Bí thư chi bộ và trưởng thôn Tr, xã Đ, huyện Lục Nam nhiệm kỳ từ năm 2020 - 2023. Xuất phát từ lợi ích cục bộ của địa phương, trong các năm 2021 và 2022 Vi Văn T và Dương Thị Nh đã vượt quá quyền hạn của mình, làm trái công vụ được giao, tổ chức họp bàn, chỉ M lấy ý kiến nhân dân và quyết định bán, giao thầu đất không thời hạn, vi phạm Điều 59 Luật đất đai năm 2013 đối với diện tích đất khu vực Nà Chiêm, Lò Ngói, Rừng Lim cho các ông Lãng Văn M, Hoàng Văn B, Đỗ Văn Q, Dương Văn Tuyền và bà Ngô Thị A, gây thiệt hại số tiền 247.000.000 đồng.

[3] Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật hình sự quy định: Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm. Phạm tội thuộc các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: “a) Có tổ chức; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”. Như vậy, hành vi của bị cáo Vi Văn T, Dương Thị Nh đã đủ yếu tố cấu thành “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức Nhà nước. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3.1] Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, các bị cáo đều có nhân thân tốt.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ số tiền gây thiệt hại cho các bị hại, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Vi Văn T năm 2018, năm 2019 được Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vi Văn T có bổ đề được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng C hạng nhất vì đã có công trong cuộc kháng C chống Mỹ, cứu nước. Bản thân bị cáo năm 2015, 2016, 2017, 2022 được Trưởng ban dân tộc tỉnh Bắc Giang tặng Giấy khen với tư cách là người có uy tín, có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2012-2016; trong hoạt động phát triển chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội giai đoạn 2011- 2021; năm 2023 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang chứng nhận là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; ngoài ra bị cáo còn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ tặng nhiều Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác. Các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Dương Thị Nh năm 2010, được Bộ trưởng Bộ y tế tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân số; Bộ trưởng Chủ nhiệm ủy ban dân tộc tặng kỷ niệm chương vì đã có công xây dựng và phát triển đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam; Ban chấp hành Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tặng kỷ niệm chương vì sự phát triển của phụ nữ Việt Nam; năm 2019 được Giám đốc Công an tỉnh Bắc Giang tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ BTQ. Ngoài ra bị cáo còn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ tặng nhiều Giấy khen trong quá trình công tác.

Các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị Nh trình bày có được Trung ương tặng Bằng khen, nhưng bị cáo không cung cấp được, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản Điều 51 Bộ luật hình sự như ý kiến của người bào chữa cho bị cáo.

[4] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phạm tội không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, chỉ vì lợi ích chung của cộng đồng; đã khắc phục và bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra nên cần áp dụng Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự, không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, mà xử phạt các bị cáo như mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đảm bảo đúng hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

[5] Khoản 5 Điều 357 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, nhưng xét các bị là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, nếu tiếp tục để các bị cáo đảm nhiệm công việc cũ có thể sẽ gây nguy hại cho xã hội, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong chính quyền, các ngành, đoàn thể tại thôn trong thời gian 05 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không có tổ chức phân công rõ ràng. Bị cáo Vi Văn T là người đề ra chủ trương, tích cực vận động các ngành, đoàn thể của thôn trong việc bán đất, giao thầu đất nên bị cáo giữ vai trò chính; bị cáo Dương Thị Nh tích cực thực hiện chủ trương của Chủ bộ thôn nên giữ vai trò thứ hai.

[7] Đối với BB quản lý thôn Tr nhiệm kỳ 2008 – 2010 có hành vi bán diện tích đất Sân Kho cho Bn Nông Văn Vượng; ông Nguyễn Ngọc Lục nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Đ nhiệm kỳ 2005-2010 đã trực tiếp ký tên, xác nhận. Việc bán đất trên có dấu hiệu của tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1, Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy

nhiên căn cứ quy định của pháp luật thì hành vi đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên việc Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam không đề cập xử lý là có cơ sở.

[8] Đối với BB quản lý thôn Tr nhiệm kỳ 2010 - 2013 và nhiệm kỳ 2013-2015 có hành vi giao thầu khu đập Cốc Chầu cho hộ ông Hoàng Văn Ngà, đập Đèo Cứu cho ông Vi Văn Triển, đập Thu Cừu cho ông Vi Văn Hoi, đập Suối Nứa cho ông Ngô Văn Thiết, nhưng việc giao thầu trên có thời hạn, hiện trạng đất chưa bị thay đổi, các hộ dân đã tự nguyện hoàn trả lại diện tích đất trên cho UBND xã Đ quản lý, sử dụng theo quy định. Việc BB quản lý thôn Tr quản lý và cho đấu thầu mặt nước đập Cốc Chầu là việc sử dụng có hiệu quả về đất đai, phù hợp với nguyên tắc sử dụng đất, hành vi này không cấu thành tội phạm nên Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam không đề cập xử lý là có cơ sở.

[9] Đối với các ông, bà trong BB quản lý thôn Tr nhiệm kỳ 2020 -2023, gồm các ông: Ngô Văn X, Hoàng Văn H, Trần Văn H1, Dương Văn E, Nông Văn Th, Hoàng Văn Y1, Mông Văn X1 và bà Lý Thị N1 có tham gia họp bàn, ký vào các biên bản chuyển nhượng cho các hộ dân. Tuy nhiên hành vi của những người này không giữ vai trò quyết định, họ tham gia ký cho đủ thành phần BB quản lý thôn, bB ngành đoàn thể thôn, họ làm vì mục đích chung, lợi ích tập thể, không có yếu tố vụ lợi cá nhân nên Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam không đề cập xử lý là có cơ sở.

[10] Đối với việc BB quản lý thôn Tr cùng các bB ngành của thôn đã tiến hành đổi khu ruộng thuộc đất công ích Mỏ SBg Trên lấy khu đồi Bà Lợi của hộ ông Hoàng Văn Long để làm N trBg cho thôn là phù hợp quy hoạch đã được làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, được nhân dân ủng hộ. Hành vi đổi đất của các ông, bà trong BB quản lý thôn vì mục đích chung, lợi ích tập thể, không có yếu tố vụ lợi cá nhân nên Cơ quB điều tra Công B huyện Lục Nam không đề cập xử lý. Hiện UBND xã Đ ra các quyết định hủy bỏ các văn bản chuyển nhượng, giao thầu đất trái thẩm quyền của BQL thôn Tr, xã Đ đối với các thửa đất nêu trên để quản lý là có cơ sở.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử các bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[12] Về vật chứng: Số tiền 35.000.000 đồng bị cáo Vi Văn T giao nộp cho Cơ quB điều tra là số tiền do bán đất, giao thầu đất chưa chi hết. Các bị cáo đã tự bồi thường hết số tiền do bán đất, giao thầu đất mà có cho các bị hại, nên số tiền trên cần hoàn lại cho các bị cáo. Trong đó hoàn lại bị cáo Vi Văn T 17.500.000 đồng, bị cáo Dương Thị Nh 17.500.000 đồng.

[13] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bB thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, N vụ liên quB có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 357; Điều 41; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

+ Bị cáo Vi Văn T 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo về “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ”. Thời giB thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy bB nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg giám sát, giáo dục trong thời giB thử thách.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 357; Điều 41; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

+ Bị cáo Dương Thị Nh 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo về “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ”. Thời giB thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy bB nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiBg giám sát, giáo dục trong thời giB thử thách.

Trong thời giB thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

Cấm các bị cáo Vi Văn T, Dương Thị Nh đảm nhiệm các chức vụ trong chính quyền, các ngành, đoàn thể tại thôn trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Hoàn lại bị cáo Vi Văn T số tiền 17.500.000 đồng, bị cáo Dương Thị Nh số tiền 17.500.000 đồng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bB thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L1 phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, N vụ liên quB có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Công B huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Sở tư pháp tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân